TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN LÃO** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày 31-8-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Minh;

2. Ông Nguyễn Văn Thắng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trần Công Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc "tranh chấp quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 563/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023; Thông báo thời gian tiếp tục xét xử vụ án dân sự số 757/2023/TB-TA ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đào Thị L, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Bà Trịnh Thị V, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Lê Thành L, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Chị Lê Thị Mai Q, địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Lê Thành L và chị Lê Thị Mai Q là bà Đào Thị L, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 11 năm 2022); có mặt.

3. Anh Phạm Văn B, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. Anh Phạm Văn T, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

5. Chị Phạm Thị V, địa chỉ: Thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 12 năm 2022 và các bản tự khai, biên bản lấy lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Đào Thị L trình bày:

Năm 2006, bà Đào Thị L và chồng là Lê Văn N (tên gọi khác là Lê Anh N) được bố mẹ ông N là cụ Lê Văn T và cụ Đinh Thị T cho diện tích đất 154m^2 tại thửa đất số 221, tờ bản đồ số 194-D-3, địa chỉ: C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Đất được Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24 tháng 11 năm 2006, tên người sử dụng đất là Lê Anh N và Đào Thị L (ông Lê Anh N đã chết ngày 22 tháng 4 năm 2022). Phần diện tích đất phía sau của nhà bà giáp với phần đất thùng ao của bà Trịnh Thị V có chiều dài là 10 mét. Thời điểm năm 2005 khi vợ chồng bà còn ở cùng với bố mẹ ông N, bà V xây móng ao cao bằng mặt đất đã lấn sang phần đất của bố mẹ ông N chiều ngang là 0,6m, chiều dài hết phần đất giáp hai nhà là 10m. Năm 2006, vợ chồng bà xây nhà trên diện tích đất của bố mẹ ông N cho, bà phá phần móng ao nhà bà V xây lấn sang để xây tường bao ngăn cách mốc giới nhưng bà V không cho phá nên vợ chồng bà xây tường bao cao 1,5 mét đè lên mặt móng ao của bà V, hai bên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2007 bà V tiếp tục xây chồng lên tường bao của nhà bà đoạn tường cuối của hai nhà dài khoảng 5 mét để làm bếp dùng tạm nên bà không ý kiến gì. Đến tháng 9 năm 2022, bà V ý định phá tường bao ngăn cách hai nhà để xây bếp, công trình phụ mới nhưng bà không đồng ý, bà V xây công trình áp sát tường bao nhưng thực tế xây trên diện tích đất lấn sang đất của nhà bà. Bà trình báo chính quyền xã Q nhưng không giải quyết dứt điểm. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện An Lão cấp cho vợ chồng bà diện tích đất là 154m^2, chiều rộng đất phía trước và phía sau là 4,7m, chiều dài đất là 33m nhưng thực tế đất phía sau giáp đất bà V đã lấn sang đất nhà bà cụ thể:

Phần góc giáp ranh giữa nhà bà giáp đất ông Út rộng là 40cm, cạnh trên giáp đất ông H là 60m, chiều dài là 10m (đất có độ chéo), tổng diện tích đất lấn là 5,2m^2. Nay bà L đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị V trả lại diện tích đất lấn sang phần đất của nhà bà là 5,2m^2 đất, kích thước thửa đất như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng bà được cấp. Đối với công trình bà V đã xây trên phần đất của nhà bà, bà yêu cầu bà V phá dỡ, bà không có trách nhiệm phải bồi thường đối với công trình xây dựng của bà V.

Bị đơn bà Trịnh Thị V có lời khai thể hiện: Bà và ông Phạm Văn B là vợ chồng hợp pháp có diện tích 237m^2 tại thửa đất số 07, tờ bản đồ số 194-D-III, địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Đất được Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24 tháng 6 năm 2005, tên người sử dụng đất là ông Phạm Văn B và bà Trịnh Thị V (ông Phạm Văn B đã chết năm 2017). Thửa đất trước đây thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn P, sau ông P nhượng lại cho anh Phạm Văn V. Do anh V không có nhu cầu sử dụng lên đã chuyển nhượng lại cho vợ chồng bà từ năm 1996. Khi bà V nhận chuyển nhượng đất của anh V không đo đạc diện tích đất cụ thể, hai bên chỉ giao nhận đất, mốc giới với nhau và các hộ liền kề xung quanh xác nhận không có tranh chấp. Phần diện tích đất phía sau của nhà bà giáp với phần đất của ông Lê Văn T là bố của ông Lê Anh N. Năm 1996, sau khi nhận chuyển nhượng đất của anh Phạm Văn V, vợ chồng bà đã xây móng ao ngăn cách mốc giới với đất của ông Lê Văn T, hai bên không có tranh chấp mốc giới gì với nhau. Năm 2005, khi vợ chồng bà làm thủ tục đề nghị Ủy ban nhân huyện An Lão, Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông Lê Văn T là người ký xác định mốc giới đất cho bà. Thời điểm vợ chồng bà L, ông N chuyển về ở với bố mẹ ông N (ông T, bà Tu) thì diện tích đất phía sau đoạn cuối giáp ranh với diện tích đất phía sau của bà, bà đã xây móng ao cao bằng mặt đất ngăn cách giáp ranh giữa hai hộ. Sau đó vợ chồng bà L tự ý xây tường cao gần 02 mét đè lên mặt móng ao của nhà bà và không hỏi ý kiến của bà. Năm 2010, bà xây tường chồng tiếp lên tường mà bà L, ông N đã xây dài khoảng 5 mét để bà làm nhà bếp, công trình phụ dùng tạm ở đoạn cuối đất. Đến tháng 10 năm 2022, gia đình bà định tháo dỡ phần tường bao để xây bếp và công trình phụ mới nhưng bà L giữ không cho phá dỡ nên bà xây công trình lùi vào phía trong đất của bà áp sát vào bờ tường bao giữa hai nhà. Bà L cho rằng gia đình bà lấn sang phần đất của hộ bà L chiều ngang là 14cm, chiều dài đất giáp danh là 10 mét. Bà L làm đơn gửi Ủy ban nhân dân xã Q giải quyết, bà không lấn đất của nhà bà L. Bà L đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà trả diện tích đất lấn chiều ngang là 0,6 mét, chiều dài là 10 mét, tổng là 5,2m^2 đất. Bà không đồng ý, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Thành L và chị Lê Thị Mai Q ủy quyền cho bà Đào Thị L toàn quyền giải quyết toàn bộ vụ án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn B, anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị V được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa nên không có lời khai của anh B, anh T và chị V.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 16 tháng 02 năm 2023 và biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21 tháng 4 năm 2023 xác định: Đất có trị giá là 8.000.000đ/m^2 x 5,2m^2 = 41.600.000đ (bốn mươi mốt triệu sáu trăm nghìn đồng). Trên phần diện tích đất tranh chấp có 01 bờ tường xây gạch chỉ dài 10 mét, cao 2 mét và một phần tường của căn nhà do bà V xây dựng: Tường xây gạch chỉ 110, mái bê tông cốt thép, nền lát gạch men, tường ốp gạch men, có bếp, công trình phụ gồm nhà tắm, nhà vệ sinh. Tổng trị giá căn nhà xây năm 2022 tính giá trị là 100% bằng 187.813.694 đồng (có bảng tính toán chi tiết của Hội đồng định giá tài sản).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa có quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như diễn biến tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Trịnh Thị V và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Văn B, anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị V không tuân thủ các điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 166 Bộ luật Dân sự, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị L về việc kiện đòi bà Trịnh Thị V trả lại 5,2m^2 đất tại thửa đất số 07, tờ bản đồ 194 -D-III; địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; về án phí: Bà Đào Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất. Bị đơn bà Trịnh Thị V, cư trú tại: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại

khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

[2] Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải phòng đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 563/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2023; Thông báo thời gian tiếp tục xét xử vụ án dân sự số 757/2023/TB-TA ngày 30 tháng 8 năm 2023 cho bị đơn bà Trịnh Thị V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Văn B, anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị V nhưng đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[3] Về nguồn gốc thửa đất và quá trình sử dụng :

[3.1] Đối với nguồn gốc thửa đất của bà Đào Thị L: Theo bản đồ giải thửa số 06 và sổ mục kê ruộng đất năm 1985 của xã Q, thuộc thửa đất số 364 có diện tích 780m^2, tên chủ sử dụng đất là Lê Văn T, loại ruộng đất "vườn ao". Bản đồ địa chính năm 1994, sổ mục kê năm 2000 là thửa đất số 6, tờ bản đồ 194-D-III, diện tích 772m^2, mang tên chủ sử dụng đất là Lê Văn T, loại đất thổ cư. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, ông Lê Văn T được Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối vớihiện trạng thực tếdiện tích đất đang sử dụng là 768,0m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T thể hiện kích thước cạnh phía trước giáp đường 304 dài là 24m, chiều dài cạnh phía sau là 22,6m. Ông T chia tách thửa đất cho các con ông là bà Vũ Thị H, ông Lê Văn Đ và ông Lê Anh N (vợ là bà Đào Thị L), thể hiện kích thước thửa đất của 03 hộ vượt quá kích thước của thửa đất ông T chia tách cho. Như vậy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nbà L thể hiện có sự chồng lấn sang đất của hộ liền kề

[3.2] Nguồn gốc thửa đất của bà Trịnh Thị V (chồng là ông Phạm Văn B): Theo bản đồ giải thửa số 06 năm 1985 của xã Quang Hưng, thuộc thửa đất số 363 có tổng diện tích 716m^2; tại sổ mục kê ruộng đất năm 1985 là thửa đất số 363, diện tích 716m^2 có tên người sử dụng là "Ng Công P", loại đất vườn ao. Bản đồ địa chính năm 1994 là thửa đất số 07, tờ bản đồ năm 194-D-III, diện tích là 223m^2 thể hiện tên V. Trong sổ mục kê năm 2000, thửa đất số 07, tờ bản đồ năm 194-D-III, diện tích 223m^2, loại đất thổ cư mang tên chủ sử dụng đất là Phạm Văn V (có sửa từ tên "V" sang tên "B"). Diện tích đất của bà Trịnh Thị V do nhận chuyển nhượng của ông Phạm Văn V. Phía sau thửa đất giáp với đất ông Lê Văn T có chiều dài là 10m, bà V xây móng ao bằng mặt đất để ngăn cách mốc giới giữa hai hộ không có tranh chấp gì từ khi thửa đất của ông Lê Văn T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 24 tháng 6 năm 2005, bà Trịnh Thị V được Ủy ban nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải

Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 237m^2. Do đất ở được cấp giấy chứng nhận lần đầu, bản đồ địa chính không thể hiện kích thước thửa đất nên việc đo đạc căn cứ vào mốc giới, hiện trạng đất bà V đang sử dụng không có tranh chấp với các hộ liền kề. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà V thể hiện cạnh giáp đất ông Nguyễn Văn U chiều dài là 23,7m, cạnh giáp với đất ông Hoàng Văn H và bà Trịnh Thị M có chiều dài là 23,7m. Hiện trạng đất bà V đang sử dụng có chiều dài cạnh giáp với hộ ông Nguyễn Văn Út là 23,3m, chiều dài cạnh giáp với ông Hoàng Văn H và bà Trịnh Thị M là 23,27m. Như vậy kích thước 02 cạnh chiều dài thửa đất thực tế đang sử dụng còn ngắn hơn so với kích thước 02 cạnh chiều dài thửa đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy bà V đang sử dụng diện tích đất được cấp thể hiện không lấn sang hộ liền kề.

[4] Bà Đào Thị L (chồng là ông Lê Anh N) được ông Lê Văn T cho 154m^2 đất tại thửa đất số 221, tờ bản đồ số 194-D-3 được Ủy ban nhân dân huyện An Lão, Hải Phòng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24 tháng 11 năm 2006. Phía sau thửa đất của bà L giáp với phần phía sau thửa đất của bà Trịnh Thị V có chiều dài là 10m, bà L xác nhận bà V có xây 01 móng ao ngăn cách mốc giới từ khi đất thuộc quyền sử dụng của ông T. Đến năm 2006 ông T cho đất vợ chồng bà, bà L xây tường bao đè lên phần mặt móng ao của bà V đã xây trước để ngăn cách mốc giới đất hai hộ sử dụng nhiều năm không có ý kiến gì. Tại văn bản thỏa thuận ngày 15 tháng 9 năm 2005 của gia đình ông T bà T, các con là vợ chồng ông Đ bà V và vợ chồng ông N bà L ký kết cho bà L ông N diện tích đất kích thước chiều ngang giáp đường là 4,5m, chiều dài hết đất. Thực tế giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà L ông N được cấp có kích thước chiều giáp mặt đường 304 và kích thước phía sau thửa đất đều là 4,7m, bà L cam kết đất giáp ranh hai hộ liền kề giữa nhà bà và nhà ông Lê Văn Đ, ông Hoàng Văn H không có tranh chấp. Như vậy xác định thời điểm ông N, bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền lập hồ sơ, đo đạc hiện trạng diện tích đất có sự sai lệch về kích thước, không trùng khớp với kích thước thực tế thửa đất vợ chồng bà L đang sử dụng.

[5] Từ những phân tích trên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Đào Thị L về việc buộc bà Trịnh Thị V trả lại diện tích đất 5,2m^2 đất tại thửa đất số 07, tờ bản đồ số 194 -D-III; địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng.

[6] Về chi phí tố tụng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 157 và khoản 1 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Đào Thị L phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn bà Đào Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩmlà 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị L về việc buộc bà Trịnh Thị V trả lại diện tích đất 5,2m^2 tại thửa đất số 07, tờ bản đồ số 194 -D-III; địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện A, Hải Phòng.

2. Về án phí, chi phí tố tụng:

+ Về án phí: Bà Đào Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền bà Đào Thị L đã nộp tạm ứng án phí là 1.950.000đ (một triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001422 ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng; hoàn trả lại bà Đào Thị L số tiền chêch lệch là 1.650.000đ (một triệu sáu trăm lăm mươi nghìn đồng).

+ Về chi phí tố tụng: Bà Đào Thị L phải chịu 5.490.000 (năm triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản. Bà Đào Thị L đã nộp đủ số tiền chi phí tố tụng trên.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Đào Thị L, anh Lê Thành L và chị Lê Thị Mai Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trịnh Thị V, anh Phạm Văn B, anh Phạm Văn T và chị Phạm Thị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn